

## Về tộc danh "Mán" trong bức thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku, tỉnh Gia Lai năm 1946

Ngày nhận bài: 01/11/2023 | Ngày phản biện: 02/11/2023 | Ngày xuất bản: 15/01/2024

**Tác giả:** Bàn Tuấn Năng (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

**Tóm tắt:** (LLCT&TTĐT) Ngày 19/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh có thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số (DTTS) miền Nam tại Pleiku. Bức thư chỉ có 280 chữ, thể hiện tình cảm và niềm tin sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho đồng bào các DTTS miền Nam cũng đồng thời cho đồng bào cả nước trong cuộc đấu tranh vì nền độc lập của Tổ quốc. Hơn bảy thập kỷ qua, có nhiều người còn băn khoăn chưa hiểu rõ về bối cảnh mà Bác Hồ đã sử dụng tộc danh, trong đó có tên gọi "Mán" đối với người Dao, trong bức thư quan trọng này. Do vậy, cần làm rõ những chỉ dẫn ân cần, sâu sắc của Người về Đoàn kết - Yêu nước, về Độc lập - Tự do là vấn đề cấp thiết mang tính thời sự.



Bác Hồ với đồng bào dân tộc thiểu số. (Ảnh tư liệu)

## 1. Hoàn cảnh ra đời

Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đất nước ta bước sang trang sử mới của độc lập – tự do. Tuy nhiên, thực dân Pháp rất giỏi trong việc nghiên cứu và cai trị các dân tộc thiểu số bằng kiến thức dân tộc học – chính trị. Do đó, tại các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số cư trú, chúng âm thầm tuyên truyền, vận động... để bà con không đi theo cách mạng, cản trở, quấy phá... các thành quả của chính quyền cách mạng non trẻ.

Để đập tan âm mưu chia rẽ dân tộc trong mưu đồ thiết lập các xứ "tự trị" của người Pháp, Trung ương Đảng và Bác Hồ đã có rất nhiều động thái kiên quyết thực hiện chủ trương đại đoàn kết dân tộc, trước hết ổn định tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong số các công việc ấy, tiêu biểu phải kể đến hai công việc hết sức quan trọng, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong suốt một thời gian dài là: thuyết phục Vương Chí Sình (vua Mèo) đi theo cách mạng, trở thành đại biểu Quốc hội khóa I và khẩn trương tổ chức Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku – Gia Lai vào ngày 19/4/1946.

Đại hội đã đón trên 1.000 đại biểu đại diện cho đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên và các tỉnh đồng bằng Nam Bộ, Trung Bộ về tham dự. Thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Đại hội để chúc mừng toàn thể đồng bào dân tộc thiểu số với tình cảm đặc biệt.

Kể từ đó đến nay, đã 77 năm trôi qua, rất nhiều người trong cán bộ và nhân dân từng thuộc lòng nội dung bức thư ngắn nhưng đầy đủ nội dung, chan chứa yêu thương, thắm tình đoàn kết mà Bác đã để lại cho cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam. Tuy nhiên, do chưa được giải thích cặn kẽ, tường minh nên hiện nay còn có người trong đồng bào Dao băn khoăn việc Bác gọi dân tộc “Mán” ở trong thư. Không ít người trong đồng bào cho rằng gọi tên “Mán” với mình là không trọng thị. Ở đây, chúng ta cần phân tích và đưa ra một sự lý giải tường minh để cộng đồng người Dao, cũng như các cộng đồng dân tộc thiểu số hiểu rõ bối cảnh cụ thể đã định hình và phổ biến tộc danh các cộng đồng dân tộc thiểu số tại thời điểm mà Bác Hồ gửi thư đến Đại hội.

## **2. Vấn đề tên gọi – tên tự gọi của người Dao và cách định danh của cộng đồng trong thời kỳ Cách mạng**

Người Dao ở Việt Nam có dân số xếp thứ 9 trong thành phần cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho biết, hiện người Dao có 891.151 người, cư trú tại 61 trên tổng số 63 tỉnh, thành phố<sup>(1)</sup>. Người Dao tự gọi mình là Kiềm Miền/Kim Mùn (người ở rừng, núi). Tuy nhiên, đây là cách định danh có tính phiếm xưng, còn trong các văn bản, họ tự gọi mình là Đào Nhân (Dao Nhân, tức người Dao). Do điều kiện và lịch sử cư trú, trong quá trình cai trị ở vùng Đông Bắc Việt Nam, người Pháp tạm chia các dân tộc thiểu số thành 2 nhóm cư dân chính. Nhóm ở vùng thấp gọi là Thổ (người Tày, Nùng), nhóm ở vùng cao hơn gọi là Mán (người Dao), còn nhóm ở hẻo lánh trên đỉnh núi cao được gọi là Mèo (Mông). Từ cách định danh của nhà cầm quyền, lâu dần, cộng đồng cư dân sở tại cũng gọi theo như một thói quen. Do cách gọi phổ biến tại thời điểm này, nên việc định danh tộc người là Mán đương nhiên được cộng đồng cùng hiểu là nhóm người cư trú tại khu vực núi cao, vùng sâu, rất hẻo lánh.

Các tài liệu ghi chép về cộng đồng người Dao ở Việt Nam giai đoạn trước và ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đều gọi người Dao ngày nay là Mán. Chẳng hạn, trong hồi ký “Từ nhân dân mà ra” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp có nhiều đoạn ghi chép về người Mán như: “Ở vùng núi cao, vùng đồng bào Mán trắng, phong trào cũng phát triển mạnh... Đồng bào Mán trắng rất mừng rỡ khi gặp cán bộ Việt Minh”<sup>(2)</sup>. Hoặc trong quá trình chuẩn bị tổng khởi nghĩa 19/8/1945, đồng chí Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) có đi qua các vùng Phủ Thông, Chợ Đồn thuộc tỉnh Bắc Kạn, tại đây khi thấy khí thế cách mạng đang lên cao, đồng chí đã ghi lại: “Đồng bào người Thổ cũng như người Mán rất tốt, đón tiếp cán bộ cách mạng với một nhiệt tình đặc biệt. Nhất là trên các bản người Mán ở dọc đỉnh núi phía Bắc, một vùng rẻo cao lúc nào cũng lấm tấm mưa, dù dưới chân núi trời nắng. Đồng bào Mán đều tham gia Việt Minh, các chị phụ nữ cũng như các em nhi đồng đều thuộc lầu quyền Việt Minh Ngũ Tự Kinh tiếng Mán và nhiều bài ca cách mạng”<sup>(3)</sup>.

Như vậy, có thể thấy rõ rằng, tên gọi Mán là tên gọi được cộng đồng cư trú cận kề cùng định danh về một dân tộc cụ thể trong quá trình hoạt động cách mạng từ thời kỳ Tiền khởi nghĩa.

Ở phương diện tác phẩm văn học, nhà văn Nam Cao trong thời kỳ công tác tại khu vực các xã Vi Hương, Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn cũng đã viết “Nhật ký ở rừng”, trong đó có đoạn: “Ngay sau cuộc họp, chúng tôi sửa soạn ba-lô lên Mán. Mán còn là một thế giới hoàn toàn bí mật. Ngay người Thổ cũng rất ít khi lên. Làng Thổ ở ngay dưới chân ngọn núi có làng Mán ở trên. Thế mà có những ông già Thổ ngoài sáu mươi chưa lên Mán một lần nào”<sup>(4)</sup>.

Tổng hợp các ghi chép trên, có thể thấy ở giai đoạn này, người Tày, Nùng được gọi là Thổ và người Dao được gọi là Mán. Người ta cho rằng cách định danh này ít nhiều có hàm ý miệt thị bởi người Pháp trong quá trình cai trị. Do được định danh trong các công việc hành chính, nên lâu dần, cộng đồng đã quen và sử dụng luôn cách gọi này trong đời sống cộng đồng. Điều này càng rõ hơn khi ta đọc tác phẩm của nhà thơ dân tộc Dao – Bàn Tài Đoàn viết về giai đoạn này. Trong hồi ký “Cuộc đời của Đoàn”, tác giả viết: “Cho đến cuối năm 1943, thành lập được các ban xã, ban tổng, ban châu, ban khu. Ở bên Mán khắc thành lập một khu Mán, gọi là khu Quang Trung. Đoàn ông, đàn bà đều có quyền vào các ban làm việc”<sup>(5)</sup>.

Qua tác phẩm của nhà thơ dân tộc Dao – Bàn Tài Đoàn, chúng ta thấy rõ ngoài việc tự gọi mình trong nội bộ đồng tộc là Kiềm Miên/Kim Mùn, khi ra ngoài, để tiện trong việc định danh, bà con cũng tự gọi mình là người Mán.

Từ những minh chứng cụ thể trên, chúng ta được biết rằng vào thời kỳ tiền khởi nghĩa và ngay sau khi cách mạng thành công, cộng đồng người Dao ở tại thời điểm này vẫn quen định danh mình là Mán. Tương tự vậy, người Tày, Nùng được gọi là Thổ. Đây là cách định danh tộc người phổ biến tại thời điểm đó.

### **3. Kết luận**

Việc định danh tên gọi tộc người ở Việt Nam được các nhà dân tộc học nghiên cứu và thống nhất vào khoảng thời gian những năm 60-70 của thế kỷ trước. Nhưng để thống nhất toàn bộ thì phải đến cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 1979. Do đó, tại thời điểm 8 tháng sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, việc nghiên cứu và định danh tên gọi các dân tộc ở nước ta theo sự thống nhất chung chưa thể thực hiện được. Cho dù như vậy, việc tổ chức Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku – Gia Lai vào ngày 19/4/1946 chứng tỏ Đảng và Bác Hồ đã luôn đặc biệt quan tâm đến công tác dân tộc, chú trọng việc củng cố tình đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam ngay từ những ngày đầu thành lập nước. Ở trong bối cảnh ấy, tộc danh Dao chưa được cộng đồng biết đến như một định danh tộc người phổ biến mà nếu sử dụng trong văn phong đại chúng, cộng đồng các dân tộc sẽ không thể nhận biết được. Để dễ hiểu, dễ nhận biết trong đời sống, Bác Hồ đã dùng ngôn ngữ phổ biến nhất, cụ thể trong trường hợp này là tộc danh Thổ để chỉ các dân tộc Tày, Nùng và tộc danh Mán để chỉ dân tộc Dao. Với văn phong dễ hiểu và đặc biệt gần gũi, ấm áp, bức thư gửi đồng bào các dân tộc thiểu số tại Đại hội các dân tộc thiểu số Miền Nam ngày nay luôn được coi là một di sản quý báu mà Bác Hồ đã để lại cho cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam. Bất cứ ai trong đồng bào dân tộc thiểu số, mỗi khi nhắc đến bức thư này của Bác đều luôn bày tỏ tình cảm trân trọng và thiêng liêng đặc biệt.

### **Tài liệu tham khảo**

(1) Tổng cục Thống kê: Kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019.

(2), (3) Hồi ký cách mạng - Nhân dân ta rất anh hùng (1976), Nxb. Văn hóa, H., tr.91, 105.

(4) Nam Cao, Nhật ký ở rừng, <https://www.gocnhin.net/cgi-bin/viewitem.pl?4161>

(5) Bàn Tài Đoàn (2006), Tuyển tập thơ, văn, Nxb. Văn hóa dân tộc, H., tr.22.